

Bản án số: 107/2024/HS-ST
Ngày 24 – 4 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lèo Thị Chan;
Bà Vi Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tùng Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Cà Văn T, sinh năm 1996 tại thành phố S, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKNKTT: Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Cà Văn T1 và bà Cà Thị N; có vợ là Quàng Thị L và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/12/2023 đến 07/02/2024 được tại ngoại cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn T: Bà Trần Bích L1, Luật sư thuộc Văn phòng L3 – Đoàn luật sư tỉnh S. Có mặt.

- Các bị hại:

+ Chị Lò Thị P, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Chị Quàng Thị S, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Quàng Thị S: Anh Vì Văn S1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Lò Văn S2, sinh năm 1972. Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lò Văn S2: Anh Lò Văn K, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Anh Lò Văn M, sinh năm 1981. Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lò Văn M: Chị Lò Thị L2, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Cà Văn T1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Cà Văn T2, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Công ty Cổ phần C. Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật – Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 06/11/2023, Cà Văn T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 26C – 117.99 chở 32 tấn xi măng đến công trình dự án “*Trang trại chăn nuôi lợn và trồng cây ăn quả*” của Công ty cổ phần C tại bản Chông, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La với giá cước 140.000đ/tấn (việc vận chuyển thuê và giao nhận vật liệu – xi măng tại chân công trình theo hợp đồng miệng giữa các bên). Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì vào đến nơi, Hà Thị N1, sinh năm 1985, trú tại bản N, xã C, huyện M (là thủ kho công trình dự án của Công ty cổ phần C) gọi điện thoại báo Lò Thị P, sinh năm 1989, trú tại bản C, xã C, huyện M đi bốc xi măng. P đồng ý rồi gọi điện thoại cho những người cùng bản gồm: Vì Thị T3 (sinh năm 2007); Quàng Thị S (sinh năm 1986); Lò Thị P1 (sinh năm 1998); Lò Văn S2 (sinh năm 1972); Lò Văn H (sinh năm 1980) và Lò Văn M (sinh năm 1981), trú tại bản Chiến, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La cùng đi bốc xi măng. Khi T điều khiển xe ô tô ra khu vực bốc xi măng xuống, rồi tháo dây xích chốt nắp ben phía sau thùng xe ra.

Đến khoảng gần 11 giờ ngày 07/11/2023, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 26C – 117.99 chở xi măng đến các điểm tập kết theo chỉ dẫn của N1. Tại điểm thứ nhất, T cùng T3, S, P1, M, S2 và H dùng tay mở, đẩy nắp ben phía sau ra khoảng 50cm, sau đó lấy một thanh sắt phi 16cm, dài 73cm (tự chế) chống vào thành thùng xe và nắp ben để cố định. Tuy nhiên, do sợ thanh sắt này bé không chịu được trọng lượng của nắp ben nên T thay bằng 01 thanh sắt khác to hơn loại phi 18, dài 83cm chống, rồi đi ra ngoài còn lại 07 người bắt đầu bốc, vận chuyển xi măng từ trên thùng xe ô tô xuống nền đất công trình. Tri và P1 ở trên thùng xe kéo các bao xi măng về phía đuôi thùng xe để 05 người còn lại vác xi măng xuống

điểm tập kết. Trong khi đang bốc xi măng thì M nhờ Lò Văn Đ, sinh năm 1990, trú tại bản Tôm, xã T, huyện M (là lái xe xúc lật) đang làm việc tại công trình dùng gầu xúc để đẩy, lật nắp ben xe ngược lên trên để việc bốc xi măng được thuận lợi. Sau khi bốc xi măng ở điểm thứ nhất xong thì T quay trở về xe ô tô nhìn thấy nắp ben xe đã được lật ngược lên hẳn phía trên nhưng không kiểm tra nắp ben có được cố định bảo đảm an toàn hay không và không hạ nắp ben xuống. T điều khiển xe ô tô đi đến điểm thứ hai để 07 người tiếp tục bốc, vận chuyển xi măng xuống điểm tập kết. Sau đó, T điều khiển xe ô tô đến điểm thứ ba. Đến nơi, T dừng xe thì M nhờ T nâng thùng xe lên cao dốc về phía sau để thuận tiện cho việc kéo xi măng xuống. Do lúc này xi măng đã gần hết và nằm ở phía đầu thùng xe. T đồng ý và điều khiển trực nâng thùng lên khoảng hơn 1m, ở vị trí này tuy bốc xi măng sẽ dễ hơn nhưng nắp ben có thể tự đổ sập bất cứ lúc nào vì quá trình bốc xi măng sẽ xảy ra rung lắc và không có dây giằng buộc, néo chắc chắn nhưng T cho rằng còn ít bao xi măng nắp ben sẽ không bị sập. Sau đó, T khóa cửa xe đi chơi trong công trình. Quá trình bốc, vận chuyển xi măng thì nắp ben thùng xe đã tự đổ sập xuống đập vào người S, P, M, S2. Hậu quả S, S2 tử vong tại chỗ còn P và M bị thương được quần chúng nhân dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh S, đến tối cùng ngày, thì M tử vong.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh S đã tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định:

Hiện trường là công trình “Trang trại chăn nuôi lợn và trồng cây ăn quả” của Công ty cổ phần C đang xây dựng tại bản Chông, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Tại hiện trường để lại một xe ô tô biển kiểm soát 26C - 117.99, thùng xe nâng khỏi vị trí ban đầu, nắp ben phía sau thùng xe ở vị trí đóng, ở phần thành thùng xe có nhiều dịch màu nâu bám dính.

Tại vị trí dưới đất tương ứng với đuôi xe có nhiều chất dịch màu nâu đã khô và nhiều tổ chức xương (răng), thịt lẫn với mặt đá, đất. Cách đuôi xe khoảng 04 đến 05m có nhiều bao xi măng được chất thành đống. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ chiếc xe ô tô biển kiểm soát 26C - 117.99, để phục vụ công tác điều tra.

Kết quả khám nghiệm tử thi Lò Văn S2: Xác định nạn nhân bị vỡ hộp sọ tại vị trí đỉnh chẩm và xương thái dương; Tử thi Quàng Thị S: Vỡ xương trán toác để lộ tổ chức não; Tử thi Lò Văn M: Vỡ xương trán để lộ tổ chức não. Đối với Lò Thị P (theo kết quả ghi chép khi tiếp nhận bệnh nhân nhập viện) xác định có vết thương vùng đầu và ngực.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 2559/KLGĐTT-PC09 ngày 24/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh S, kết luận:

“Nguyên nhân chết của Lò Văn M do chấn thương sọ não - chết mất não”.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 2560/KLGĐTT-PC09 ngày 24/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh S, kết luận:

“Nguyên nhân chết của Lò Văn S2 do chấn thương sọ não - Vỡ khớp liên

đỉnh, vỡ xương thái dương phải, chảy máu nội sọ”.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 2562/KLGĐTT-PC09 ngày 24/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh S, kết luận:

“Nguyên nhân chết của Quàng Thị S do chấn thương sọ não - Vỡ xương trán, dập nát não”.

Tại bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 21/KLTTCT-TTPY ngày 14/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh S, kết luận:

“Tỷ lệ tổn thương của Lò Thị P tại thời điểm giám định là 16%”.

Ngày 08/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S đã tiến hành khám xe ô tô biển kiểm soát 26C - 117.99. Xác định ô tô có đầy đủ giấy tờ đảm bảo đủ điều kiện tham gia giao thông, xe đăng ký mang tên Cà Văn T2, sinh năm 1991, trú tại tổ A, phường C, thành phố S, người lái xe Cà Văn T có giấy phép lái xe hạng C, đủ điều kiện điều khiển xe nêu trên để chở hàng theo quy định. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh S đã trao trả chiếc xe trên cho chủ sở hữu Cà Văn T2.

Đối với hành vi điều khiển xe xúc lật để nâng nắp ben thùng xe ô tô biển kiểm soát 26C - 117.99 lên trên của Lò Văn Đ, sinh năm 1990, trú tại bản Tôm, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La: Xác định thời điểm Đ lật nắp ben thùng xe lên trên nếu để nguyên vị trí đó không có khả năng gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của người khác. Khi T nâng thùng dốc về phía sau xe thì Đ không biết, không tham gia nên hành vi của Đ không cấu thành tội phạm.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 Căn cước công dân số 014096002778 mang tên Cà Văn T, sinh ngày 05/01/1996 và 01 Giấy phép lái xe hạng C số 260175008902 mang tên Cà Văn T (có giá trị đến ngày 03/6/2027).

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Cà Văn T, bị hại và người đại diện hợp pháp của gia đình các bị hại (Lò Văn S2, Lò Văn M, Quàng Thị S) đã thỏa thuận và đã bồi thường đối với những người tử vong mức bồi thường 75.000.000 đồng/người; người bị thương 30.000.000 đồng/người; Công ty Cổ phần C đã hỗ trợ, bồi thường cho người tử vong là 25.000.000 đồng/người; người bị thương là 5.000.000 đồng/người. Các bị hại và đại diện gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKSSL-P2 ngày 04/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Cà Văn T về tội Vô ý làm chết người theo khoản 2 Điều 128 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Cà Văn T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và không khai báo gì thêm.

Bị hại và những người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận phía gia đình bị cáo đã bồi thường cho các bị hại bị thiệt mạng số tiền 75.000.000 đồng/người bị hại, bồi thường cho người bị thương

số tiền 30.000.000 đồng/người bị hại. Gia đình các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Cà Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Cà Văn T phạm tội Vô ý làm chết người.

Căn cứ khoản 2 Điều 128; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Cà Văn T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa gia đình bị cáo và các gia đình bị hại đã bồi thường đối với gia đình bị thiệt hại về tính mạng là 75.000.000 đồng/01 người và người bị thương là 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại và người đại diện hợp pháp của các bị hại không yêu cầu bồi thường thêm, cần chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn T: Nhất trí quan điểm truy tố về tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ Viện kiểm sát đề nghị, tuy nhiên đề nghị hội đồng xét xử xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ bị cáo có ông nội là Cà Văn H1 là người có công với Nhà nước, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới khung và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của các bị hại không ai có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với Công ty cổ phần C, được Tòa triệu tập với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị hại không phải người của công ty, chỉ làm thuê theo vụ việc. Việc Công ty H2 cho các gia đình bị hại là tự nguyện, không liên quan và không xem xét trong vụ án. Do đó, không xác định Công ty cổ phần C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 07/11/2023, Cà Văn T là người điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 26C

– 117.99 vận chuyển xi măng đến công trình dự án “*Trang trại chăn nuôi lợn và trồng cây ăn quả*” của Công ty cổ phần C tại bản Chông, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Trong quá trình bốc dỡ xi măng, T thấy nắp ben thùng xe được lật ngược lên trên, không có biện pháp bảo đảm an toàn, khi những người bốc xi măng nhờ nâng thùng xe lên tạo độ dốc để thuận tiện cho việc bốc dỡ xi măng xuống thì T đồng ý, mặc dù ý thức chủ quan của T biết rằng việc nâng thùng xe lên thì nắp xe có thể đổ sập bất kỳ lúc nào gây nguy hiểm cho những người đang bốc dỡ xi măng nhưng T cho rằng việc đó sẽ không xảy ra. Tuy nhiên, thực tế hậu quả là nắp ben đổ sập làm chết 03 người và bị thương 01 người với tỷ lệ thương tật 16%. Hành vi phạm tội của bị cáo Cà Văn T được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản kèm các bản ảnh khám nghiệm hiện trường ngày 15/7/2023 tại Công trường Công ty C thuộc bản Chông, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 2559/KLGĐTT-PC09 ngày 24/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh S, kết luận:

“*Nguyên nhân chết của Lò Văn M do chấn thương sọ não - chết mất não*”.

- Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 2560/KLGĐTT-PC09 ngày 24/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh S, kết luận:

“*Nguyên nhân chết của Lò Văn S2 do chấn thương sọ não - Vỡ khớp liên đỉnh, vỡ xương thái dương phải, chảy máu nội sọ*”.

- Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 2562/KLGĐTT-PC09 ngày 24/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh S, kết luận:

“*Nguyên nhân chết của Quàng Thị S do chấn thương sọ não - Vỡ xương trán, dập nát não*”.

- Bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 21/KLTTCT-TTPY ngày 14/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh S, kết luận:

“*Tỷ lệ tổn thương của Lò Thị P tại thời điểm giám định là 16%*”.

- Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh nêu trên, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Cà Văn T phạm tội Vô ý làm chết người theo quy định tại khoản 2 Điều 128 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Theo nhận định tại mục [2], có đủ cơ sở kết luận bị cáo Cà Văn T phạm tội Vô ý làm chết người. Hành vi phạm tội của bị cáo gây hậu quả làm chết 03 người, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm*” quy định tại khoản 2 Điều 128 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Cà Văn T thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý do quá tự tin. Mặc dù biết việc nâng thùng xe lên thì nắp ben thùng xe có thể đổ sập bất kỳ lúc nào, gây nguy hiểm cho những người đang bốc dỡ xi măng nhưng T chủ quan cho rằng việc đó sẽ không xảy ra. Thực tế, trong quá trình bốc dỡ xi măng thì nắp ben thùng xe đã đổ sập, gây hậu quả làm chết 03 người, 01 người bị tổn hại sức khỏe với tỷ lệ thương tật là 16%. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe con người được pháp luật hình sự bảo vệ mặc dù bản thân bị cáo không mong muốn.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo và gia đình chủ động bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả cho gia đình các bị hại. Ngoài ra, gia đình các bị hại và bản thân bị cáo cũng có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với đề nghị của Luật sư cho rằng bị cáo có ông nội là người có công nhưng tại phiên tòa sơ thẩm không cung cấp tài liệu này nên không được áp dụng.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần mở lượng khoan hồng xem xét giảm nhẹ mức hình phạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng bảo đảm biện pháp cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Đối với hành vi điều khiển xe xúc lật để nâng bửng xe ô tô biển kiểm soát 26C – 117.99 lên trên của Lò Văn Đ, sinh năm 1990, trú tại: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Quá trình điều tra, xét thấy thời điểm Đ lật bửng xe lên trên thì Cà Văn T chưa nâng thùng xe lên, do đó chưa có khả năng gây nguy hiểm. Khi T nâng thùng xe lên trong khi bửng xe đang lật ngược lên trên thì Đ không biết, không tham gia giúp sức gì nên hành vi của Đ không đồng phạm với T.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 28/11/2023 và 02/02/2024, ông Cà Văn T1 (bố của Cà Văn T) đã bồi thường cho bị hại Lò Thị P tổng số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 23/11/2023 và 02/02/2024, ông Cà Văn T1 đã bồi thường cho gia đình bị hại Lò Văn M tổng số tiền 75.000.000 đồng. Ngày 23/11/2023 và 02/02/2024, ông Cà Văn T1 đã bồi thường cho gia đình bị hại Quàng Thị S tổng số tiền 75.000.000 đồng. Ngày 23/11/2023 và 02/02/2024, ông Cà Văn T1 đã bồi thường cho gia đình bị hại Lò Văn S2 tổng số tiền 75.000.000 đồng. Tại phiên tòa các gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm.

Ông Cà Văn T1 không yêu cầu bị cáo Cà Văn T phải hoàn trả số tiền đã sử dụng để bồi thường cho các bị hại và người đại diện hợp pháp của các bị hại.

Xét thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo, đại diện gia đình bị cáo và các gia đình bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và việc bồi thường đã thực hiện xong, cần chấp nhận.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 căn cước công dân số 014096002778 và 01 giấy phép lái xe hạng C số 260175008902 đều mang tên Cà Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy đây là những tài sản cá nhân của bị cáo Cà Văn T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo Cà Văn T.

[9] Về án phí: Bị cáo Cà Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 128; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Cà Văn T phạm tội Vô ý làm chết người.

Xử phạt bị cáo Cà Văn T 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/4/2024).

Giao bị cáo Cà Văn T cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo Cà Văn T, ông Cà Văn T1 đại diện gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại Lò Thị P số tiền 30.000.000 đồng, bồi thường cho gia đình bị hại Lò Văn M số tiền 75.000.000 đồng, bồi thường cho gia đình bị hại Quảng Thị S số tiền 75.000.000 đồng, bồi thường cho gia đình bị hại Lò Văn S2 số tiền 75.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo Cà Văn T phải bồi thường thêm khoản tiền gì khác.

Chấp nhận việc ông Cà Văn T1 không yêu cầu bị cáo Cà Văn T phải hoàn

trả số tiền đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và những người đại diện của gia đình bị hại.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Cà Văn T 01 căn cước công dân số 014096002778 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021 mang tên Cà Văn T và 01 giấy phép lái xe hạng C số 260175008902 do Sở Giao thông vận tải tỉnh S cấp ngày 03/6/2022 mang tên Cà Văn T.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Cà Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo Cà Văn T, bị hại, những người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/4/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền